

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2473/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 22 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 283/TTr-SYT ngày 22/11/2021 của Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã, phường, thị trấn:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 176 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 11 đơn vị.
- Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 04 đơn vị.
- Cấp 4 - Nguy cơ rất cao (vùng đỏ): 02 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện, thành phố:

- Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh): 10 đơn vị.
- Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 01 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 1 - Nguy cơ thấp (vùng xanh).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ vào phân cấp độ dịch COVID-19 tại Quyết định này để áp dụng các biện pháp hành chính “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn theo quy định tại Công văn 4168/UBND-VHXXH ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Hà Giang.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ 0 giờ ngày 23/11/2021 và thay thế Quyết định số 2402/QĐ-UBND ngày 14/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- BCĐQG phòng, chống dịch COVID-19 (báo cáo);
- Bộ Y tế, Bộ GTVT;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- BCĐ PC dịch COVID-19 tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTTH, VHXXH. *Ch*

CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ NGUY CƠ THEO NGHỊ QUYẾT 128/NQ-CP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG
 (Kèm theo Quyết định số 2273/QĐ-UBND, ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Địa giới hành chính	Dân số	Số ca mắc mới trong cộng đồng trong 02 tuần qua* (08/11-21/11/2021)	Tiêu chí 1. Quyết định 4800	Tiêu chí 2. Tiêm vắc xin người trên 18 tuổi**	Đánh giá mức độ nguy cơ
I	Toàn tỉnh Hà Giang	882.278	139	7,88	> 70%	Cấp 1
II	Quy mô cấp huyện, thành phố					
1	TP Hà Giang	56.119	22	19,60	>70%	Cấp 1
2	Mèo Vạc	88.129	16	9,08	< 70%	Cấp 1
3	Đồng Văn	85.912	19	11,06	< 70%	Cấp 1
4	Yên Minh	100.163	48	23,96	< 70%	Cấp 2
5	Quản Bạ	57.815	14	12,11	< 70%	Cấp 1
6	Bắc Mê	58.374	4	3,43	> 70%	Cấp 1
7	Vị Xuyên	116.467	12	5,15	>70%	Cấp 1
8	Bắc Quang	124.276	3	1,21	>70%	Cấp 1
9	Quang Bình	63.276	1	0,79	>70%	Cấp 1
10	Hoàng Su Phì	68.548	0	0,00	< 70%	Cấp 1
11	Xín Mần	70.411	0	0,00	>70%	Cấp 1
III	Quy mô cấp trọng điểm					
1	Xã Phương Độ, TP Hà Giang	4.440	7	78,83	>70%	Cấp 2
2	Xã Phiêng Luông, huyện Bắc Mê	1.584	4	126,26	>70%	Cấp 2
3	Xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ	7.900	7	44,30	< 70%	Cấp 2
4	Xã Tả Ván, huyện Quản Bạ	2.661	2	37,58	< 70%	Cấp 2
5	Xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ	3.668	2	27,26	< 70%	Cấp 2
6	Xã Lũng Tám, huyện Quản Bạ	4.288	2	23,32	< 70%	Cấp 2
7	Xã Sùng Cháng, huyện Yên Minh	4.019	16	199,05	< 70%	Cấp 4
8	Xã Đông Minh, huyện Yên Minh	2.678	23	429,42	< 70%	Cấp 4
9	Xã Sùng Thái, huyện Yên Minh	7.643	4	26,17	<70%	Cấp 2
10	Xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh	4.522	3	33,17	<70%	Cấp 2
11	Xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn	6.472	9	69,53	< 70%	Cấp 3
12	Xã Lũng Thầu, huyện Đồng Văn	2.384	4	83,89	< 70%	Cấp 3
13	Xã Văn Chải, huyện Đồng Văn	4.628	2	21,61	< 70%	Cấp 2
14	Xã Lũng Phìn, huyện Đồng Văn	4.971	2	20,12	< 70%	Cấp 2
15	Xã Tả Phìn, huyện Đồng Văn	3.703	2	27,01	< 70%	Cấp 2
16	Xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	5.223	10	95,73	< 70%	Cấp 3
17	Xã Niêm Tòng, huyện Mèo Vạc	5.486	6	54,68	< 70%	Cấp 3
18	Các xã, phường, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh					Cấp 1

* Số ca mắc mới không tính các trường hợp trong khu vực cách ly, đã được quản lý.

** Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 01 liều vắc xin phòng COVID-19